TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 16-01-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*** **có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thủy;

Ông Lê Đình Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*****:** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Thái Hoài H sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Uyên T, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp AQ, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2019 và bản tự khai - nguyên đơn anh Thái Hoài H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Uyên T tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01/2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH. Do anh công tác tại huyện TB nên sau khi cưới thì anh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh ở DMC, còn chị T sống tại nhà của chị ở TB. Cuối tuần thì vợ chồng về bên gia đình anh sống. Đến tháng 12/2018, anh chuyển công tác về TB nên vợ chồng

anh sống tại nhà cha mẹ ruột của vợ tại ấp AQ, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Uyên T trình bày:

Chị xác nhận chị và anh H chung sống vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng không có con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không san sẻ với nhau trong cuộc sống hôn nhân.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T.

Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không chia sẻ buồn

vui trong cuộc sống. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị T đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Thái Hoài H và chị Nguyễn Thị Uyên T.

Anh Thái Hoài H được ly hôn với chị chị Nguyễn Thị Uyên T.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Thái Hoài H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017704 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã AH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm